

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 370/2019/DS-PT

Ngày 23-12-2019

V/v tranh chấp quyền về lối đi qua

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2019/TLPT-DS ngày 02/12/2019 về “Tranh chấp quyền về lối đi qua”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2019/DS-ST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 309/2019/QĐ-PT ngày 06/12/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Châu Quang T, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số nhà 326, Tổ NDTQ số 9, ấp N (Ấp 1), xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Châu Thị A, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số nhà 24, Tổ NDTQ số 24, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956

Cùng địa chỉ: Tổ NDTQ số 9, ấp N (Ấp 1), xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T: Ông Lê Văn L - Luật sư Văn phòng Luật sư C L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Châu Thị T, sinh năm 1947

Địa chỉ: Số nhà 193/16/2, Đường T, Phường 17, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Châu Quang Đ, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp 1, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Châu Thị T, ông Châu Quang Đ: Ông Châu Quang T, sinh năm 1960, địa chỉ: Số nhà 326, Tổ NDTQ số 9, ấp N (Ấp 1), xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3. Anh Nguyễn Trọng A, sinh năm 1978

4. Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1981

5. Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Tổ NDTQ số 9, Ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954

Địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Châu Quang T, bà Châu Thị A trình bày: Ông đứng tên quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 04, tờ bản đồ 14, diện tích 8.023m², tọa lạc tại ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre. Phần đất này giáp ranh với phần đất khoảng 12 công của ông Châu Quang D (cha ruột ông, chết năm 1998) đã được các anh chị em ông thống nhất giao cho ông trực tiếp quản lý, sử dụng. Để đi ra được đường công cộng thì ông phải đi qua phần đất của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T thuộc thửa 44, tờ bản đồ 13, diện tích 6.609m², tọa lạc tại ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre. Lối đi qua đất ông Nguyễn Văn C đã có từ năm 1965 cho đến nay, đầu tiên lối đi này có một đoạn bên trong đi bằng ghe, một đoạn đi trên phần đất của ông C. Năm 1998, gia đình ông T có xin phép ông C bắt cầu bê tông qua con rạch giáp với đất ông C thì ông C cũng đồng ý. Năm 2000, ông C rào lối đi không cho gia đình nguyên đơn đi, nguyên đơn có gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Q, qua buổi hòa giải, ông C cam kết sẽ cho nguyên đơn tiếp tục đi trên đất và ông C sẽ có nghĩa vụ mở cổng rào vào mỗi buổi sáng và buổi tối. Đến khoảng năm 2001, gia đình nguyên đơn có xin ông C được đổ bê tông trên toàn bộ lối đi có chiều ngang 60cm, chiều dài khoảng 200m để đi lại được thuận lợi, đổi lại hàng năm gia đình nguyên đơn phải có nghĩa vụ góp từ 400.000 đồng đến 700.000 đồng xem như thuê lối đi. Tuy nhiên, đến năm 2015, ông C đòi số tiền góp cho ông là 1.700.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý nên ông C không cho đi qua đất. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ mở lối đi theo kết quả đo đạc thực tế có chiều rộng một cạnh là 0,95m, một cạnh là 1,16m, chiều dài gồm các đoạn khác nhau dài khoảng 165m, có diện tích 169,3m².

Nguyên đơn đồng ý bồi thường giá trị cây trồng, vật kiến trúc và giá trị đất theo giá thị trường cho bị đơn.

Bà Châu Thị A thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Châu Quang T.

Theo bản tự khai, trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T có lời trình bày: Hộ ông C có đứng tên phần đất thuộc thửa 44, tờ bản đồ 13, diện tích 6.609m², tọa lạc tại ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre. Đất của ông giáp ranh với đất ông Châu Quang D bởi một con rạch có bắt cầu bê tông. Phần đất của ông T nằm phía sau đất của ông D. Trước đây khoảng năm 2001, ông có cho ông T đi qua đất của ông tuy nhiên thời gian gần đây ông T đi qua đất của ông nhưng có lời lẽ thô tục và phá hoại cây trồng của ông vì vậy ông không đồng ý cho ông T tiếp tục đi trên đất và cũng không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của ông T.

Bà Nguyễn Thị T thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Văn C.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện T đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án số 96/2019/DS-ST ngày 09/8/2019, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre căn cứ Điều 254, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, khoản 3 Điều 228 khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Châu Quang T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ mở lối đi theo kết quả đo đạc thực tế có chiều rộng một cạnh là 0,95m, một cạnh là 1,16m, chiều dài gồm nhiều đoạn khác nhau dài khoảng 165m, có diện tích 169,3m², nằm trên thửa 44, tờ bản đồ 13, có tổng diện tích 6.609m², đất tọa lạc tại tổ NDTQ số 9, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Trọng A, anh Nguyễn Trọng T và anh Nguyễn Trọng H phải có nghĩa vụ mở cho ông Châu Quang T một lối có chiều rộng một cạnh là 0,95m, một cạnh là 1,16m, chiều dài gồm nhiều đoạn khác nhau dài khoảng 165m, có diện tích 169,3m², nằm trên thửa 44, tờ bản đồ 13, có tổng diện tích 6.609m², đất tọa lạc tại tổ NDTQ số 9, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Lối đi có tứ cận cụ thể như sau:

Bắc giáp một phần thửa 44, tờ bản đồ 13;

Nam giáp một phần thửa 44, tờ bản đồ 13;

Đông giáp rạch;

Tây giáp đường ranh xã.

(Có họa đồ thửa đất kèm theo là một bộ phận không thể tách rời của bản án)

Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời vật kiến trúc là một cổng rào, trụ bê tông, khung thép, diện tích $0,6m \times 01m \times 1,1m = 1,1m^2$

Ghi nhận các con của ông Châu Quang D là ông Châu Quang Đ, bà Châu Thị A, và Châu Thị T, ông Châu Quang Thứ, bà Châu Thị Chính, bà Châu Thị Điệp, ông Châu Quang Nguyên, bà Châu Thị Diễm, và ông Châu Quang Dũng tự nguyện đồng ý cho ông Châu Quang T đi qua phần đất của ông Châu Quang D để ra đến lối đi mà ông T được chấp nhận yêu cầu.

3. Ghi nhận việc ông Châu Quang T tự nguyện bồi thường cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T số tiền 34.173.500 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn C đối với phần diện tích làm lối đi mà ông Châu Quang T được quyền sử dụng, giới hạn chiều cao lối đi là 04m tính từ mặt đất.

Ông Châu Quang T được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn C đối với phần lối đi được quyền sử dụng và tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định.

Ông Châu Quang T có quyền đăng ký việc xác lập quyền sử dụng đất hạn chế đối với lối đi có diện tích $169,3m^2$, nằm thuộc thửa 44, tờ bản đồ 13, đất tọa lạc tại Tổ NDTQ số 9, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre, việc đăng ký phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện mở lối đi của bà Châu Thị A đối với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/8/2019, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Quang T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C, bà Tuyết là ông Lê Văn L trình bày: Việc mở lối đi trên đất của ông C gây thiệt hại lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C, bà Tuyết vì lối đi nằm từ đầu đến cuối phần đất, tách đôi phần đất của ông C, bà Tuyết. Hơn nữa, nguyên đơn đã từng dùng kiếm đe dọa bị đơn nên việc sử dụng đất sẽ gây ảnh hưởng đến bị đơn. Đồng thời, bị đơn sắp chia phần đất này cho các con nên nếu chấp nhận lối đi sẽ ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của các con của ông C, bà Tuyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét

chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn đồng ý với bản án sơ thẩm, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì xung quanh đất của ông T là những con rạch không có lối đi, bị đơn cũng thừa nhận ông T sử dụng lối đi này từ năm 2001, quá trình sử dụng lối đi đã cải tạo từ đường đất thành đường bê tông. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cũng không đồng ý dời lối đi về phía ranh đất, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, bác kháng cáo của ông C, bà Tuyết, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 96/2019/DS-ST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Châu Quang T yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T phải mở lối đi có chiều rộng một cạnh là 0,95m, một cạnh là 1,16m, chiều dài gồm nhiều đoạn khác nhau dài khoảng 165m, có diện tích 169,3m², nằm trên thửa 44, tờ bản đồ 13, có tổng diện tích 6.609m², đất tọa lạc tại Tổ NDTQ số 9, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Gia đình ông T đang sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 14 có diện tích 8.023m². Theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 11/7/2016 của Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện T thì phía sau thửa đất số 04 của ông T là ruộng lúa, không có lối đi ra đường công cộng. Gia đình ông T muốn ra lộ công cộng thì phải đi qua thửa đất số 02 của cha ông T là ông Châu Quang D rồi đến con rạch có một cây cầu bê tông thuộc thửa số 44 của hộ ông C, sau đó ra lộ công cộng. Bị đơn cho rằng phía nguyên đơn có lối đi khác để ra đường công cộng nhưng không có chứng cứ chứng minh, nguyên đơn cũng không thừa nhận nội dung này. Đồng thời, theo nội dung các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/6/2016 và ngày 29/9/2017; các biên bản xác minh ngày 09/6/2016 và ngày 30/7/2019; kết quả đo đạc cũng như lời làm chứng của bà Nguyễn Thị M thì có căn cứ xác định ngoài lối đi đang tranh chấp nêu trên thì gia đình ông T không còn lối đi nào khác.

Phía bị đơn cũng thừa nhận lối đi tranh chấp đã được nguyên đơn sử dụng từ khoảng năm 2001 để ra lộ công cộng, tại biên bản hòa giải ngày 17/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện T, bà Tuyết cũng cho rằng *“gia đình bà đồng ý cho gia đình ông T đổ bê tông làm đường đi trên đất của ông bà. Nhưng thời gian gần đây ông T đi trên lối đi và thường phá hoại cây trái trên đất của bà và có lời lẽ thô tục*

chủ bới gia đình bà nên bà không đồng ý cho đi nữa”.

Ngoài ra, Tại phiên tòa, mặc dù được Tòa án giải thích về việc đòi lỗi đi về phía cặp với ranh đất để giảm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của mình khi mở lối đi nhưng ông C, bà Tuyết vẫn không yêu cầu nên không có cơ sở để xem xét lỗi đi khác ngoài lối đi mà nguyên đơn yêu cầu trên phần đất của bị đơn.

Như vậy, từ những phân tích ở trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2019/DS-ST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ Điều 254, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Châu Quang T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ mở lối đi theo kết quả đo đạc thực tế có chiều rộng một cạnh là 0,95m, một cạnh là 1,16m, chiều dài gồm nhiều đoạn khác nhau dài khoảng 165m, có diện tích 169,3m², nằm trên thửa 44, tờ bản đồ 13, có tổng diện tích 6.609m², đất tọa lạc tại tổ NDTQ số 9, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Trọng A, anh Nguyễn Trọng T và anh Nguyễn Trọng H phải có nghĩa vụ mở cho ông Châu Quang T một lối có chiều rộng một cạnh là 0,95m, một cạnh là 1,16m, chiều dài gồm nhiều đoạn khác nhau dài khoảng 165m, có diện tích 169,3m², nằm trên thửa 44, tờ bản đồ 13, có tổng diện tích 6.609m², đất tọa lạc tại tổ NDTQ số 9, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Lối đi có tứ cận cụ thể như sau:

Bắc giáp một phần thửa 44, tờ bản đồ 13;

Nam giáp một phần thửa 44, tờ bản đồ 13;

Đông giáp rạch;

Tây giáp đường ranh xã.

(Có họa đồ thửa đất kèm)

Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời vật kiến trúc là một cổng rào, trụ bê tông, khung thép, có kích thước 0,6m x 01m x 1,1m.

Ghi nhận các con của ông Châu Quang D là ông Châu Quang Đ, bà Châu Thị A, và Châu Thị T, ông Châu Quang Thứ, bà Châu Thị Chính, bà Châu Thị Diệp, ông Châu Quang Nguyên, bà Châu Thị Diễm, và ông Châu Quang Dũng tự nguyện đồng ý cho ông Châu Quang T đi qua phần đất của ông Châu Quang D để ra đến lối đi mà ông T được chấp nhận yêu cầu.

3. Ghi nhận việc ông Châu Quang T tự nguyện bồi thường cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T số tiền 34.173.500 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn C đối với phần diện tích làm lối đi mà ông Châu Quang T được quyền sử dụng, giới hạn chiều cao lối đi là 04m tính từ mặt đất.

Ông Châu Quang T được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn C đối với phần lối đi được quyền sử dụng và tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định.

Ông Châu Quang T có quyền đăng ký việc xác lập quyền sử dụng đất hạn chế đối với lối đi có diện tích 169,3m², nằm thuộc thửa 44, tờ bản đồ 13, đất tọa lạc tại Tổ NDTQ số 9, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre, việc đăng ký phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện mở lối đi của bà Châu Thị A đối với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T.

6. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận ông Châu Quang T tự nguyện chịu số tiền này và đã nộp xong.

7. Về án phí:

7.1. Án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T được miễn án phí.

Trả lại cho bà Châu Thị A số tiền tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006746 ngày 03/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ông Châu Quang T phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 1.708.675 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 200.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0004737 ngày 23/10/2015 và 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006745 ngày 03/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, buộc ông T nộp tiếp số tiền 1.208.675 đồng.

7.2. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng